VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1479/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021 - 2025";

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 theo các hình thức: duy trì công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; cổ phần hóa, sắp xếp lại (bao gồm hình thức sáp nhập, giải thể); chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn nhà nước (sau đây gọi chung là thoái vốn) giai đoạn 2022 - 2025, gồm các Phụ lục sau:

- Phụ lục I về Kế hoạch duy trì công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên giai đoạn 2022 - 2025 (Danh mục doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ giai đoạn 2022 - 2025).

- Phụ lục II về Kế hoạch thực hiện cổ phần hóa, sáp nhập, giải thể giai đoạn 2022 - 2025 (Danh mục doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện cổ phần hóa, sáp nhập, giải thể giai đoạn 2022 - 2025).

- Phụ lục III về Kế hoạch thực hiện thoái vốn và giữ nguyên phần vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 (Danh mục doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn và giữ nguyên phần vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025).

- Phụ lục IV về Danh mục doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện sắp xếp theo phương án riêng giai đoạn 2022 - 2025.

Các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc: Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương và các doanh nghiệp chưa được quy định tại Quyết định này (không thuộc diện chuyển giao về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước) thực hiện sắp xếp theo kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc có văn bản chấp thuận và chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại giai đoạn 2021 - 2025 đối với các doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Quyết liệt thực hiện cổ phần hóa, hoàn thành công bố giá trị doanh nghiệp trong giai đoạn 2022 - 2025 đối với các doanh nghiệp được liệt kê tại Mục 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này; tổ chức thực hiện thoái vốn theo lộ trình và đảm bảo Nhà nước nắm giữ tỷ lệ vốn tại doanh nghiệp theo khung quy định tại Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, mục tiêu đến năm 2025 đạt được tỷ lệ như đề xuất đối với các doanh nghiệp nêu tại Mục 1 Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này. Chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm tra về công tác triển khai và kết quả thực hiện.

c) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương sắp xếp đối với từng doanh nghiệp quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này trong quý I năm 2023.

d) Cho ý kiến để người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp biểu quyết về việc thực hiện sắp xếp đối với các doanh nghiệp nêu tại Mục 2 Phụ lục III

Quyết định này và các công ty cổ phần thuộc diện giải thể theo quy định của pháp luật hiện hành.

đ) Chủ động căn cứ tình hình thị trường và thực tế tại doanh nghiệp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn sớm hơn lộ trình được phê duyệt, đảm bảo hiệu quả, công khai, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật.

e) Kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định tại các văn bản cá biệt đối với các trường hợp không thực hiện được theo Quyết định này do điều kiện thị trường không thuận lợi hoặc gặp vướng mắc, khó khăn khách quan.

Đối với trường hợp không đảm bảo tỷ lệ theo khung hoặc/và không thực hiện được trong giai đoạn 2022 - 2023 do nguyên nhân chủ quan, đề nghị làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan (nếu có), báo cáo cấp có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật và gửi Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để theo dõi, tổng hợp; đồng thời, tiếp tục triển khai thực hiện đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Quyết định này trong giai đoạn 2024 - 2025.

g) Chủ động rà soát, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định các trường hợp chuyển giao về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

h) Hằng năm, trước ngày 15 tháng 01 gửi báo cáo về tình hình thực hiện sắp xếp lại doanh nghiệp quy định tại Quyết định này đến Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để theo dõi, tổng hợp.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc giám sát và tổng kết tình hình thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp và trách nhiệm thi hành

1. Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện như sau:

a) Đối với các doanh nghiệp chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt Phương án cổ phần hóa, thoái vốn, cơ quan đại diện chủ sở hữu chủ động điều chỉnh lại tỷ lệ cổ phần Nhà nước nắm giữ khi xây dựng Phương án theo Kế hoạch sắp xếp lại

doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định này và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để theo dõi, tổng hợp.

b) Đối với các doanh nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt Phương án cổ phần hóa, thoái vốn thì thực hiện theo Phương án đã được phê duyệt và tiếp tục xây dựng phương án để thực hiện thoái vốn theo tỷ lệ quy định tại Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 8 Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa đến hết năm 2020 và Quyết định số 908/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020 hết hiệu lực.

Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện sắp xếp theo Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg nêu trên được tiếp tục thực hiện cho đến khi Đề án cơ cấu lại của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, và doanh nghiệp nhà nước, Người đại diện phần vốn nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Minh Khái

Phụ lục I

KẾ HOẠCH DUY TRÌ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN GIAI ĐOẠN 2022 - 2025 (DANH MỤC DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ GIAI ĐOẠN 2022 - 2025)

(Kèm theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cơ quan chủ sở hữu/Tên doanh nghiệp
	Bộ Giáo dục và Đào tạo
1	Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
	Bộ Giao thông vận tải
2	Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam
3	Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc
4	Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam
5	Công ty TNHH một thành viên Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam
6	Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Giao thông vận tải
	Bộ Khoa học và Công nghệ
7	Công ty TNHH một thành viên Phát triển Khu Công nghệ cao Hòa Lạc
	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà
9	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải
10	Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Cửa Đạt
11	Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Tả Trạch
12	Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Dầu Tiếng – Phước Hòa
13	Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ khai thác Hải sản Biển Đông
14	Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Nông nghiệp
	Bộ Tài chính
15	Công ty TNHH xổ số điện toán Việt Nam

	Bộ Tài nguyên và Môi trường
16	Công ty TNHH một thành viên Tài nguyên và Môi trường miền Nam
17	Công ty TNHH một thành viên Tài nguyên và Môi trường Việt Nam
18	Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam
	Bộ Thông tin và Truyền thông
19	Tổng công ty Bưu điện Việt Nam
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
20	Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc
21	Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Văn học
22	Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Thế giới
23	Công ty TNHH một thành viên Hãng phim Tài liệu và Khoa học Trung ương
	Bộ Xây dựng
24	Tổng công ty Xi măng Việt Nam
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
25	Nhà máy In tiền Quốc gia
26	Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam
27	Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam
	Thông tấn xã Việt Nam
28	Công ty TNHH một thành viên In & Thương mại TTXVN
29	Công ty TNHH một thành viên ITAXA
	Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp
30	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
31	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
32	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
33	Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam

34	Tổng công ty Đường sắt Việt Nam
35	Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam
36	Tổng công ty Lương thực miền Bắc
	Viện Hàn lâm Khoa học và công nghệ Việt Nam
37	Công ty TNHH một thành viên Ứng dụng công nghệ mới và Du lịch
	UBND tỉnh An Giang
38	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết An Giang
39	Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi An Giang
	UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
40	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
	UBND tỉnh Bắc Giang
41	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Bắc Giang
42	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thuỷ lợi Nam Sông Thương
43	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thuỷ lợi Bắc Sông Thương
	UBND tỉnh Bắc Kạn
44	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Bắc Kạn
45	Công ty TNHH một thành viên Quản lý Khai thác công trình thủy lợi Bắc Kạn
	UBND tỉnh Bạc Liêu
46	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Bạc Liêu
	UBND tỉnh Bắc Ninh
47	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Bắc Ninh
48	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bắc Đuống
49	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Nam Đuống
	UBND tỉnh Bến Tre
50	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Bến Tre

51	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bến Tre
	UBND tỉnh Bình Định
52	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Bình Định
53	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bình Định
	UBND tỉnh Bình Dương
54	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Bình Dương
	UBND tỉnh Bình Phước
55	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước
56	Công ty TNHH một thành viên dịch vụ Thủy lợi Bình Phước
	UBND tỉnh Bình Thuận
57	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Bình Thuận
58	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bình Thuận
	UBND tỉnh Cà Mau
59	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Cà Mau
	UBND Thành phố Cần Thơ
60	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Cần Thơ
	UBND tỉnh Cao Bằng
61	Công ty TNHH một thành viên Thủy nông Cao Bằng
62	Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng
63	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Cao Bằng
	UBND Thành phố Đà Nẵng
64	Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Tổng hợp Đà Nẵng
65	Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Đà Nẵng
66	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Đà Nẵng
	UBND tỉnh Đắk Lắk

67	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Đắk Lắk
68	Công ty TNHH một thành viên Quản lý công trình thủy lợi
	UBND tỉnh Đắk Nông
69	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Đắk Nông
70	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông
	UBND tỉnh Điện Biên
71	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Điện Biên
72	Công ty TNHH Quản lý thủy nông Điện Biên
	UBND tỉnh Đồng Nai
73	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai
74	Công ty TNHH một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Đồng Nai
	UBND tỉnh Đồng Tháp
75	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Đồng Tháp
	UBND tỉnh Gia Lai
76	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Gia Lai
77	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai
	UBND tỉnh Hà Giang
78	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Hà Giang
	UBND tỉnh Hà Nam
79	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Hà Nam
80	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hà Nam
	UBND Thành phố Hà Nội
81	Công ty TNHH một thành viên Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội
82	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Thủ đô
83	Công ty TNHH một thành viên Đường sắt Hà Nội

84	Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Hà Nội
85	Công ty TNHH một thành viên Vườn thú Hà Nội
86	Công ty TNHH một thành viên Công viên Thống Nhất
87	Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Đông
88	Công ty TNHH một thành viên Thoát nước Hà Nội
89	Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội
90	Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị Hà Nội
91	Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Hà Nội
92	Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Đáy
93	Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ
94	Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Tích
95	Công ty TNHH một thành viên Xuất nhập khẩu, du lịch và đầu tư Hồ Gươm
96	Công ty TNHH một thành viên Công viên Cây xanh Hà Nội
97	Tổng công ty Du lịch Hà Nội
98	Tổng công ty Vận tải Hà Nội
	UBND tỉnh Hà Tĩnh
99	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Hà Tĩnh
100	Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi bắc Hà Tĩnh
101	Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi nam Hà Tĩnh
	UBND Thành phố Hải Phòng
102	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đa Độ
103	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi An Hải
104	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Tiên Lãng
105	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Thuỷ Nguyên
106	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo

107	Công ty TNHH một thành viên Xổ số Hải Phòng
108	Công ty TNHH một thành viên Quản lý và Kinh doanh nhà Hải Phòng
109	Công ty TNHH một thành viên Môi trường đô thị Hải Phòng
110	Công ty TNHH một thành viên Thoát nước Hải Phòng
	UBND tỉnh Hậu Giang
111	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Hậu Giang
	UBND tỉnh Hòa Bình
112	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Hòa Bình
113	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Hòa Bình
	UBND tỉnh Hưng Yên
114	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Hưng Yên
115	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Hưng Yên
	UBND tỉnh Khánh Hòa
116	Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Yến sào Khánh Hòa
117	Công ty TNHH một thành viên Xổ số Kiến thiết Khánh Hòa
118	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình Thủy lợi Khánh Hòa
	UBND tỉnh Kiên Giang
119	Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Kiên Giang
120	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Kiên Giang
	UBND tỉnh Kon Tum
121	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Kon Tum
	UBND tỉnh Lai Châu
122	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Lai Châu
123	Công ty TNHH thủy điện huyện Mường Tè
124	Công ty TNHH một thành viên quản lý thủy nông Lai Châu

	UBND tỉnh Lâm Đồng
125	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Lâm Đồng
	UBND tỉnh Lạng Sơn
126	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Lạng Sơn
127	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Lạng Sơn
	UBND tỉnh Lào Cai
128	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Lào Cai
	UBND tỉnh Long An
129	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Long An
	UBND tỉnh Nam Định
130	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Nam Định
131	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ý Yên
132	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Vụ Bản
133	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Mỹ Thành
134	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Nam Ninh
135	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy
136	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Hải Hậu
137	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Nghĩa Hưng
	UBND tỉnh Nghệ An
138	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Nghệ An
139	Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Bắc Nghệ An
140	Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Nam Nghệ An
141	Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Tây Bắc Nghệ An
142	Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Tây Nam Nghệ An
143	Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Phủ Quỳ

144	Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Tân Kỳ
145	Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Thanh Chương
	UBND tỉnh Ninh Bình
146	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Ninh Bình
147	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Bình
	UBND tỉnh Ninh Thuận
148	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Ninh Thuận
149	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Ninh Thuận
	UBND tỉnh Phú Thọ
150	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Phú Thọ
151	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Phú Thọ
	UBND tỉnh Phú Yên
152	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Phú Yên
153	Công ty TNHH một thành viên Thủy nông Đồng Cam
	UBND tỉnh Quảng Bình
154	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Quảng Bình
155	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Bình
	UBND tỉnh Quảng Nam
156	Công ty TNHH một thành viên Xổ số Kiến thiết Quảng Nam
157	Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam
	UBND tỉnh Quảng Ngãi
158	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Quảng Ngãi
159	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi
	UBND tỉnh Quảng Ninh
160	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Quảng Ninh

161	Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Đông Triều
162	Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi miền Đông
163	Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Yên Lập
	UBND tỉnh Quảng Trị
164	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Quảng Trị
165	Công ty TNHH một thành viên Quản lý khai thác công trình thủy lợi Quảng Trị
	UBND tỉnh Sóc Trăng
166	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Sóc Trăng
	UBND tỉnh Sơn La
167	Công ty TNHH một thành viên Quản lý, khai thác công trình thuỷ lợi Sơn La
168	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Sơn La
	UBND tỉnh Tây Ninh
169	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Tây Ninh
170	Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Tây Ninh
	UBND tỉnh Thái Bình
171	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Thái Bình
172	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bắc Thái Bình
173	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Nam Thái Bình
	UBND tỉnh Thái Nguyên
174	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Thái Nguyên
175	Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Thái Nguyên
	UBND tỉnh Thanh Hóa
176	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Thanh Hóa
177	Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Bắc Sông Mã Thanh Hóa
178	Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Thanh Hóa

179	Công ty TNHH một thành viên Sông Chu
180	Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Nam Sông Mã Thanh Hóa
	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế
181	Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Xổ số kiến thiết Thừa Thiên Huế
182	Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Quản lý khai thác Công trình Thủy lợi Thừa Thiên Huế
	UBND tỉnh Tiền Giang
183	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Tiền Giang
184	Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Tiền Giang
185	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Tiền Giang
	UBND tỉnh Trà Vinh
186	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Trà Vinh
187	Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh
	UBND tỉnh Tuyên Quang
188	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Tuyên Quang
	UBND tỉnh Vĩnh Long
189	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Vĩnh Long
	UBND tỉnh Vĩnh Phúc
190	Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Vĩnh Phúc
191	Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Liễn Sơn
192	Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Lập Thạch
193	Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Tam Đảo
194	Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Phúc Yên
	UBND tỉnh Yên Bái
195	Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Xổ số kiến thiết Yên Bái

Phụ lục II

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CỔ PHẦN HÓA, SÁP NHẬP, GIẢI THỂ GIAI ĐOẠN 2022 - 2025 (DANH MỤC DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ THỰC HIỆN CỔ PHẦN HÓA, SÁP NHẬP, GIẢI THỂ GIAI ĐOẠN 2022 - 2025)

(Kèm theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cơ quan đại diện chủ sở hữu/Tên doanh nghiệp	Tỷ lệ vốn Nhà nước dự kiến nắm giữ sau CPH theo khung tỷ lệ quy định tại Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg
	Mục 1. Kế hoạch cổ phần hóa	
	Bộ Khoa học và Công nghệ	
1	Công ty TNHH một thành viên Ứng dụng và Phát triển công nghệ - NEAD	Từ 50% trở xuống
	Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội	
2	Công ty TNHH một thành viên Thiết bị giáo dục nghề nghiệp	Từ 50% trở xuống
	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
3	Công ty TNHH một thành viên Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm Hà Nội-Agrexport	Từ 50% trở xuống
4	Công ty TNHH một thành viên Thủy sản Hạ Long	Từ 65% trở lên
	Bộ Xây dựng	
5	Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị	Từ 50% trở xuống
	Ngân hàng Nhà nước	
6	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Từ 65% trở lên
	UBND tỉnh Cao Bằng	
7	Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển và Môi trường Cao Bằng	Từ 50% trở xuống
	UBND Thành phố Đà Nẵng	
8	Công ty TNHH một thành viên In Tổng hợp Đà Nẵng	Từ 50% trở xuống
	UBND tỉnh Đồng Nai	
9	Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai	Trên 50% đến dưới 65%
	UBND Thành phố Hà Nội	
10	Công ty TNHH một thành viên Xuất nhập khẩu và Đầu tư xây dựng phát triển Hà Nội	Từ 50% trở xuống
11	Công ty TNHH một thành viên Chiếu sáng và Thiết bị đô thị Hà Nội	Trên 50% đến dưới 65%
	UBND Thành phố Hải Phòng	

12	Công ty TNHH một thành viên Thương mại đầu tư phát triển đô thị	Từ 50% trở xuống
	UBND tỉnh Khánh Hòa	
13	Công ty TNHH một thành viên-Tổng công ty Khánh Việt	Trên 50% đến dưới 65%
	UBND tỉnh Nghệ An	
14	Công ty TNHH một thành viên Đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Nghệ An	Từ 50% trở xuống
	UBND tỉnh Phú Yên	
15	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cảng Vũng Rô	Trên 50% đến dưới 65%
	UBND tỉnh Quảng Nam	
16	Công ty TNHH một thành viên Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai	Trên 50% đến dưới 65%
	UBND tỉnh Quảng Ngãi	
17	Công ty TNHH một thành viên Đầu tư, Xây dựng, Kinh doanh Dịch vụ Quảng Ngãi	Từ 50% trở xuống
	UBND tỉnh Thái Nguyên	
18	Công ty TNHH một thành viên Thoát nước và Phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên	Trên 50% đến dưới 65%
	UBND tỉnh Tiền Giang	
19	Công ty TNHH một thành viên Công trình đô thị Mỹ Tho	Từ 50% trở xuống
	Mục 2. Kế hoạch thực hiện sắp xếp lại	
TT	**Tên cơ quan đại diện chủ sở hữu/Tên doanh nghiệp**	**Hình thức thực hiện**
	UBND tỉnh Cao Bằng	
1	Công ty TNHH một thành viên-Tổng công ty Đầu tư và Xuất nhập khẩu Cao Bằng	Giải thể
	UBND Thành phố Hà Nội	
2	Công ty TNHH một thành viên Điện ảnh Hà Nội	Sáp nhập
	UBND tỉnh Yên Bái	
3	Công ty TNHH một thành viên Nghĩa Văn	Sáp nhập
4	Công ty TNHH một thành viên Đại Lợi	Sáp nhập
5	Công ty TNHH một thành viên Tân Phú	Sáp nhập

Phụ lục III

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN THOÁI VỐN VÀ GIỮ NGUYÊN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2022 - 2025 (DANH MỤC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC, DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN THOÁI VỐN VÀ GIỮ NGUYÊN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2022 - 2025)

(Kèm theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên Cơ quan đại diện chủ sở hữu/doanh nghiệp	Kế hoạch thoái vốn		Tỷ lệ vốn NN còn lại sau khi thoái	Thời gian hoàn thành	
		Tỷ lệ vốn Nhà nước nắm giữ theo khung quy định tại Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg	Tỷ lệ thoái vốn theo đề xuất của cơ quan đại diện CSH/theo chỉ tiêu chỉ đạo QĐ số 22/2021/QĐ-TTg		Giai đoạn 2022-2023	Giai đoạn 2024-2025
MỤC I: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN THOÁI VỐN GIAI ĐOẠN 2022-2025						
	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn					
1	Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Phát triển rau hoa quả	Từ 50% trở xuống	90,45%	0,00%		x
	Bộ Xây dựng					
2	Tổng công ty Cơ khí xây dựng - Công ty cổ phần	Từ 50% trở xuống	98,76%	0,00%		x
3	Tổng Công ty cổ phần Sông Hồng	Từ 50% trở xuống	49,04%	0,00%	x	
4	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty cổ phần	Trên 50% đến dưới 65% (*)	46,83%	51,00%		x
5	Tổng công ty Viglacera - Công ty cổ phần	Từ 50% trở xuống	38,58%	0,00%	x	
	Đài Truyền hình Việt Nam					
6	Công ty cổ phần Dịch vụ Truyền hình viễn thông Việt Nam (VTVBroadcom)	Từ 50% trở xuống	20,91%	0,00%		x
7	Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam (VTVcab)	Trên 50% đến dưới 65% (*)	47,55%	51,00%		x
	UBND tỉnh An Giang					
8	Công ty cổ phần Môi trường đô thị An Giang	Trên 50% đến dưới 65% (*)	33,88%	64,88%		x
9	Công ty cổ phần Phà An Giang	Trên 50% đến dưới 65% (*)	45,02%	51,00%		x
10	Công ty cổ phần Xây lắp An Giang	Trên 50% đến dưới 65% (*)	43,48%	51,00%		x
	UBND tỉnh Bà Rịa Vũng tàu					
11	Công ty cổ phần Dịch vụ Môi trường & Công trình Đô thị Vũng Tàu	Từ 50% trở xuống	65,00%	0,00%	x	
12	Công ty cổ phần Dịch vụ Đô thị Tân Thành	Từ 50% trở xuống	49,36%	0,00%	x	
13	Công ty cổ phần Dịch vụ và Đầu tư phát triển đô thị huyện Long Điền	Từ 50% trở xuống	30,00%	0,00%	x	
14	Công ty cổ phần Phát triển Công viên Cây xanh và Đô thị Vũng Tàu	Từ 50% trở xuống	36,00%	0,00%		x
15	Công ty cổ phần Du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Từ 50% trở xuống	58,88%	0,00%		x
16	Công ty cổ phần Công trình Giao Thông	Từ 50% trở xuống	54,24%	0,00%	x	
17	Công ty cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Từ 50% trở xuống	27,00%	0,00%		x

TT	Tên Cơ quan đại diện chủ sở hữu/doanh nghiệp	Kế hoạch thoái vốn		Tỷ lệ vốn NN còn lại sau khi thoái	Thời gian hoàn thành	
		Tỷ lệ vốn Nhà nước nắm giữ theo khung quy định tại Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg	Tỷ lệ thoái vốn theo đề xuất của cơ quan đại diện CSH/theo tiêu chí ĐKK3 QĐ số 22/2021/QĐ-TTg		Giai đoạn 2022-2023	Giai đoạn 2024-2025
	UBND tỉnh Bắc Giang					
18	Công ty cổ phần Giống cây trồng	Từ 50% trở xuống	50,95%	0,00%		x
19	Công ty cổ phần Quản lý công trình đô thị	Từ 50% trở xuống	65,00%	0,00%		x
20	Công ty cổ phần Giống chăn nuôi Bắc Giang	Từ 50% trở xuống	93,22%	0,00%		x
21	Công ty cổ phần Đường bộ Bắc Giang	Từ 50% trở xuống	33,92%	0,00%		x
22	Công ty cổ phần Sách Giáo khoa và Thiết bị trường học Bắc Giang	Từ 50% trở xuống	12,03%	0,00%	x	
23	Công ty cổ phần Hồng Thái	Từ 50% trở xuống	6,33%	0,00%		x
24	Công ty cổ phần Dược phẩm Bắc Giang	Từ 50% trở xuống	6,68%	0,00%		x
25	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hiệp Hòa	Từ 50% trở xuống	22,49%	0,00%	x	
26	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Bắc Giang	Từ 50% trở xuống	3,22%	0,00%	x	
27	Công ty cổ phần thuốc lá và thực phẩm Bắc Giang	Từ 50% trở xuống	45,00%	0,00%		x
	UBND tỉnh Bắc Ninh					
28	Công ty cổ phần Đường bộ Bắc Ninh	Từ 50% trở xuống	75,64%	0,00%		x
29	Công ty cổ phần Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Bắc Ninh	Từ 50% trở xuống	27,19%	0,00%		x
	UBND tỉnh Bến Tre					
30	Công ty cổ phần Xây dựng và bảo trì cầu đường	Từ 50% trở xuống	36,00%	0,00%	x	
	UBND tỉnh Bình Định					
31	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định	Từ 50% trở xuống	13,34%	0,00%		x
32	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	Từ 50% trở xuống	25,00%	0,00%		x
	UBND tỉnh Bình Phước					
33	Công ty cổ phần Xây dựng Bình Phước	Từ 50% trở xuống	98,96%	0,00%	x	
	UBND tỉnh Bình Thuận					
34	Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận	Từ 50% trở xuống	16,97%	36,00%		x
	UBND tỉnh Cà Mau					
35	Công ty cổ phần Môi trường đô thị Cà Mau	Trên 50% đến dưới 65% (*)	48,88%	51,00%		x
	UBND tỉnh Cao Bằng					

TT	Tên Cơ quan đại diện chủ sở hữu/doanh nghiệp	Kế hoạch thoái vốn		Tỷ lệ vốn NN còn lại sau khi thoái	Thời gian hoàn thành	
		Tỷ lệ vốn Nhà nước nắm giữ theo khung quy định tại Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg	Tỷ lệ thoái vốn theo đề xuất của cơ quan đại diện CSH/theo tiêu chí ĐZK3 QĐ số 22/2021/QĐ-TTg		Giai đoạn 2022-2023	Giai đoạn 2024-2025
36	Công ty cổ phần Thương mại Tổng hợp Bản Lạc	Từ 50% trở xuống	44,82%	0,00%		x
37	Công ty cổ phần In Việt Lập Cao Bằng	Từ 50% trở xuống	61,38%	0,00%		x
38	Công ty cổ phần Giống và Thức ăn chăn nuôi	Từ 50% trở xuống	84,16%	0,00%		x
	UBND tỉnh Đắk Nông					
39	Công ty cổ phần quản lý, sửa chữa đường bộ Đắk Nông	Từ 50% trở xuống	91,07%	0,00%	x	
40	Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đắk Nông	Trên 50% đến dưới 65% (*)	41,00%	51,00%		x
	UBND tỉnh Điện Biên					
41	Công ty cổ phần In Điện Biên	Từ 50% trở xuống	97,13%	0,00%	x	
42	Công ty cổ phần Công trình giao thông tỉnh Điện Biên	Từ 50% trở xuống	37,10%	0,00%		x
43	Công ty cổ phần Lạc Hồng Điện Biên	Từ 50% trở xuống	84,78%	0,00%		x
44	Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng tỉnh Điện Biên	Từ 50% trở xuống	62,46%	0,00%		x
45	Công ty cổ phần Giống nông nghiệp Điện Biên	Từ 50% trở xuống	25,00%	0,00%	x	
	UBND tỉnh Đồng Tháp					
46	Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Đồng Tháp	Trên 50% đến dưới 65% (*)	34,63%	64,00%		x
	UBND tỉnh Hà Giang					
47	Công ty cổ phần Môi trường đô thị Hà Giang	Từ 50% trở xuống	54,98%	36,00%		x
48	Công ty cổ phần Đường bộ I	Từ 50% trở xuống	34,40%	0,00%	x	
	UBND Thành phố Hà Nội					
49	Công ty cổ phần Bao bì 277 Hà Nội	Từ 50% trở xuống	65,00%	0,00%		x
50	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hancoo	Từ 50% trở xuống	97,56%	0,00%		x
51	Công ty cổ phần 18-4 Hà Nội	Từ 50% trở xuống	47,48%	0,00%		x
52	Công ty cổ phần Sách Hà Nội	Từ 50% trở xuống	37,34%	0,00%		x
53	Công ty cổ phần Cơ điện Trần Phú	Từ 50% trở xuống	38,88%	0,00%		x
54	Công ty cổ phần Truyền hình cáp Hà Nội	Từ 50% trở xuống	70,85%	0,00%		x
55	Công ty cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	Từ 50% trở xuống	51,04%	0,00%		x

TT	Tên Cơ quan đại diện chủ sở hữu/doanh nghiệp	Kế hoạch thoái vốn		Tỷ lệ vốn NN còn lại sau khi thoái	Thời gian hoàn thành	
		Tỷ lệ vốn Nhà nước nắm giữ theo khung quy định tại Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg	Tỷ lệ thoái vốn theo đề xuất của cơ quan đại diện CSH/theo tiêu chí Đ2K3 QĐ số 22/2021/QĐ-TTg		Giai đoạn 2022-2023	Giai đoạn 2024-2025
56	Công ty cổ phần Địa chính Hà Nội	Từ 50% trở xuống	54,20%	0,00%		x
57	Công ty cổ phần Cơ điện công trình	Từ 50% trở xuống	98,89%	0,00%		x
58	Công ty cổ phần Giấy Thượng Đình	Từ 50% trở xuống	68,66%	0,00%		x
59	Công ty cổ phần Điện tử Giảng Võ	Từ 50% trở xuống	65,21%	0,00%		x
60	Công ty cổ phần Đầu tư thương mại và dịch vụ quốc tế	Từ 50% trở xuống	45,00%	0,00%		x
61	Công ty cổ phần Khảo sát đo đạc HCGC Hà Nội	Từ 50% trở xuống	44,99%	0,00%		x
62	Công ty cổ phần Đầu tư khai thác Hồ Tây	Từ 50% trở xuống	41,74%	0,00%		x
63	Công ty cổ phần Giầy Thụy Khuê	Từ 50% trở xuống	35,34%	0,00%		x
64	Công ty cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông	Từ 50% trở xuống	25,03%	0,00%		x
65	Công ty cổ phần Thống Nhất Hà Nội	Từ 50% trở xuống	45,00%	0,00%		x
66	Công ty cổ phần Dệt 19/5 Hà Nội	Từ 50% trở xuống	32,03%	0,00%		x.
67	Công ty cổ phần Mái Động	Từ 50% trở xuống	18,00%	0,00%		x
68	Công ty cổ phần Truyền thông Nghe nhìn Hà Nội	Từ 50% trở xuống	9,24%	0,00%		x
69	Công ty cổ phần Sản xuất Dịch vụ xuất nhập khẩu Từ Liêm	Từ 50% trở xuống	1,18%	0,00%		x
70	Công ty Liên doanh Norfolk Hatexco	Từ 50% trở xuống	40,00%	0,00%		x
71	Công ty TNHH Tập đoàn sản xuất hàng dệt may	Từ 50% trở xuống	20,00%	0,00%		x
	UBND tỉnh Hà Tĩnh					
72	Công ty cổ phần Môi trường đô thị Hồng Lĩnh	Từ 50% trở xuống	36,00%	0,00%	x	
73	Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Hà Tĩnh	Trên 50% đến dưới 65% (*)	42,84%	51,00%		x
74	Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - Công ty cổ phần	Trên 50% đến dưới 65% (*)	46,37%	51,00%		x
	UBND thành phố Hải Phòng					
75	Công ty cổ phần Phục vụ mai táng Hải Phòng	Từ 50% trở xuống	64,58%	0,00%	x	
76	Công ty cổ phần Bến xe Hải Phòng	Từ 50% trở xuống	64,57%	0,00%	x	
77	Công ty cổ phần Công trình đô thị Hải Phòng	Từ 50% trở xuống	29,32%	0,00%	x	
78	Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư hạ tầng	Từ 50% trở xuống	5,72%	0,00%	x	
79	Công ty cổ phần Thương mại đầu tư và Xây dựng Hải Phòng	Từ 50% trở xuống	24,22%	0,00%	x	
80	Công ty cổ phần Thanh Niên Hải Phòng	Từ 50% trở xuống	20,00%	0,00%	x	

TT	Tên Cơ quan đại diện chủ sở hữu/doanh nghiệp	Kế hoạch thoái vốn		Tỷ lệ vốn NN còn lại sau khi thoái	Thời gian hoàn thành	
		Tỷ lệ vốn Nhà nước nắm giữ theo đúng quy định tại Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg	Tỷ lệ thoái vốn theo đề xuất của cơ quan đại diện CSH/theo tiêu chí ĐZK3 QĐ số 22/2021/QĐ-TTg		Giai đoạn 2022-2023	Giai đoạn 2024-2025
81	Công ty cổ phần Thiết bị công nghệ Tiền Phong	Từ 50% trở xuống	10,42%	0,00%	x	
82	Công ty cổ phần Du lịch Biển Vàng Việt Nam	Từ 50% trở xuống	2,11%	0,00%	x	
83	Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Hải Phòng	Từ 50% trở xuống	34,85%	0,00%	x	
84	Công ty liên doanh hữu hạn Hải Thành	Từ 50% trở xuống	17,56%	0,00%	x	
85	Công ty cổ phần Cung ứng tàu biển Hải Phòng	Từ 50% trở xuống	38,57%	0,00%		x
86	Công ty cổ phần Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng	Trên 50% đến dưới 65% (*)	14,00%	51,00%	x	
87	Công ty cổ phần Đường bộ Hải Phòng	Trên 50% đến dưới 65% (*)	14,00%	51,00%	x	
	UBND tỉnh Hậu Giang					
88	Công ty cổ phần Tài nguyên và Môi trường Hậu Giang	Từ 50% trở xuống	98,44%	0,00%		x
89	Công ty cổ phần Bông sen Hậu Giang	Từ 50% trở xuống	99,92%	0,00%		x
	UBND tỉnh Hưng Yên					
90	Công ty cổ phần giống cây trồng Hưng Yên	Từ 50% trở xuống	86,94%	0,00%		x
	UBND tỉnh Khánh Hòa					
91	Công ty cổ phần Môi trường đô thị Nha Trang	Trên 50% đến dưới 65% (*)	18,68%	51,00%	x	
	UBND tỉnh Kiên Giang					
92	Công ty cổ phần Thương mại Kiên Giang	Từ 50% trở xuống	20,00%	29,40%		x
	UBND Kon Tum					
93	Công ty cổ phần Khai thác và Xây dựng thủy lợi Kon Tum	Từ 50% trở xuống	13,04%	0,00%		x
	UBND tỉnh Lâm Đồng					
94	Công ty cổ phần Dịch vụ đô thị Đà Lạt	Trên 50% đến dưới 65% (*)	22,79%	51,00%		x
95	Công ty cổ phần Công trình đô thị Bảo Lộc	Trên 50% đến dưới 65% (*)	11,42%	51,00%		x
	UBND tỉnh Lạng Sơn					
96	Công ty cổ phần Chợ Lạng Sơn	Từ 50% trở xuống	36,00%	0,00%		x
	UBND tỉnh Long An					
97	Công ty cổ phần Đô thị Thạnh Hóa	Từ 50% trở xuống	47,29%	0,00%		x
	UBND tỉnh Nam Định					
98	Công ty cổ phần điện tử điện lạnh và dịch vụ tổng hợp Nam Định	Từ 50% trở xuống	33,33%	0,00%		x

TT	Tên Cơ quan đại diện chủ sở hữu/doanh nghiệp	Kế hoạch thoái vốn		Tỷ lệ vốn NN còn lại sau khi thoái	Thời gian hoàn thành	
		Tỷ lệ vốn Nhà nước nắm giữ theo khung quy định tại Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg	Tỷ lệ thoái vốn theo đề xuất của cơ quan đại diện CSH/theo tiêu chí Đ2K3 QĐ số 22/2021/QĐ-TTg		Giai đoạn 2022-2023	Giai đoạn 2024-2025
99	Công ty cổ phần môi trường Nam Định	Trên 50% đến dưới 65% (*)	13,22%	51,00%	x	
	UBND tỉnh Nghệ An					
100	Công ty cổ phần Môi trường và công trình đô thị Nghệ An	Trên 50% đến dưới 65% (*)	29,88%	51,00%		x
101	Công ty cổ phần Quản lý và Xây dựng cầu đường Nghệ An	Từ 50% trở xuống	11,92%	0,00%		x
102	Công ty cổ phần Quản lý và Xây dựng giao thông thuỷ bộ Nghệ An	Từ 50% trở xuống	65,60%	0,00%		x
103	Công ty cổ phần In Báo Nghệ An	Từ 50% trở xuống	45,80%	0,00%		x
104	Công ty cổ phần Công viên Cây xanh TP Vinh	Từ 50% trở xuống	55,44%	0,00%		x
	UBND tỉnh Ninh Thuận					
105	Công ty cổ phần Công trình đô thị Ninh Thuận	Từ 50% trở xuống	90,76%	0,00%	x	
	UBND tỉnh Phú Thọ					
106	Công ty cổ phần Xử lý chất thải Phú Thọ	Từ 50% trở xuống	94,60%	0,00%	x	
	UBND tỉnh Phú Yên					
107	Công ty cổ phần Môi trường đô thị Phú Yên	Trên 50% đến dưới 65% (*)	36,29%	55,00%		x
	UBND tỉnh Quảng Bình					
108	Công ty cổ phần Môi trường và phát triển đô thị Quảng Bình	Từ 65% trở lên	16,00%	65,49%		x
109	Công ty cổ phần Du lịch Sài Gòn Quảng Bình	Từ 50% trở xuống	14,00%	0,00%		x
	UBND tỉnh Quảng Nam					
110	Công ty cổ phần Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quảng Nam	Từ 50% trở xuống	20,00%	0,00%	x	
111	Công ty cổ phần Kỹ thuật xây dựng Quảng Nam	Từ 50% trở xuống	38,00%	0,00%	x	
112	Công ty cổ phần Dịch vụ công ích đô thị Tam Kỳ	Từ 50% trở xuống	30,08%	0,00%		x
113	Công ty cổ phần Giống thuỷ sản Quảng Nam	Từ 50% trở xuống	5,00%	0,00%	x	
114	Công ty cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam	Từ 50% trở xuống	5,00%	0,00%	x	
115	Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư phát triển Quảng Nam	Từ 50% trở xuống	5,00%	0,00%	x	
	UBND tỉnh Quảng Ngãi					
116	Công ty cổ phần Thanh niên Xung Phong	Từ 50% trở xuống	52,77%	0,00%		x
117	Công ty cổ phần Sơn Mỹ	Từ 50% trở xuống	2,57%	0,00%		x
	UBND tỉnh Quảng Ninh					

TT	Tên Cơ quan đại diện chủ sở hữu/doanh nghiệp	Kế hoạch thoái vốn		Tỷ lệ vốn NN còn lại sau khi thoái	Thời gian hoàn thành	
		Tỷ lệ vốn Nhà nước nắm giữ theo khung quy định tại Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg	Tỷ lệ thoái vốn theo đề xuất của cơ quan đại diện CSH/theo tiêu chí Đ2K3 QĐ số 22/2021/QĐ-TTg		Giai đoạn 2022-2023	Giai đoạn 2024-2025
118	Công ty cổ phần Môi trường đô thị Hạ Long	Từ 50% trở xuống	43,19%	0,00%	x	
119	Công ty cổ phần Quản lý đường thủy Quảng Ninh	Từ 50% trở xuống	89,62%	0,00%	x	
120	Công ty cổ phần Cầu phà Quảng Ninh	Từ 50% trở xuống	87,28%	0,00%	x	
	UBND tỉnh Quảng Trị					
121	Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị	Từ 50% trở xuống	22,62%	0,00%	x	
122	Công ty cổ phần Cảng Cửa Việt	Từ 50% trở xuống	96,96%	0,00%		x
	UBND tỉnh Sơn La					
123	Công ty cổ phần Môi trường và Đô thị Sơn La	Từ 50% trở xuống	62,64%	36,00%	x	
124	Công ty cổ phần Sách văn hoá tổng hợp Sơn La	Từ 50% trở xuống	30,00%	0,00%	x	
125	Công ty cổ phần Điều tra quy hoạch và PTNT Sơn La	Từ 50% trở xuống	48,10%	0,00%	x	
	UBND tỉnh Tây Ninh					
126	Công ty cổ phần Công trình Đô thị Tây Ninh	Từ 50% trở xuống	40,00%	0,00%	x	
	UBND tỉnh Thái Bình					
127	Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Thái Bình	Trên 50% đến dưới 65% (*)	10,00%	64,06%		x
	UBND tỉnh Thái Nguyên					
128	Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Thái Nguyên	Từ 50% trở xuống	37,47%	0,00%	x	
129	Công ty cổ phần Quản lý và Xây dựng giao thông Thái Nguyên	Từ 50% trở xuống	20,21%	0,00%	x	
130	Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Sông Công	Từ 50% trở xuống	36,80%	0,00%	x	
131	Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Thái Nguyên	Từ 50% trở xuống	30,00%	0,00%		x
	UBND tỉnh Thanh Hoá					
132	Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Thanh Hoá	Từ 50% trở xuống	52,47%	0,00%		x
	UBND tỉnh Tuyên Quang					
133	Công ty cổ phần Chế biến lâm sản Tuyên Quang	Từ 50% trở xuống	50,46%	0,00%	x	
134	Công ty cổ phần Dịch vụ môi trường và Quản lý đô thị Tuyên Quang	Từ 50% trở xuống	51,00%	0,00%		x
	UBND tỉnh Vĩnh Long					
135	Công ty cổ phần công trình công cộng Vĩnh Long	Trên 50% đến dưới 65% (*)	30,24%	51,00%		x
136	Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Mỹ Thuận	Từ 50% trở xuống	56,44%	0,00%		x
	UBND tỉnh Vĩnh Phúc					

TT	Tên Cơ quan đại diện chủ sở hữu/doanh nghiệp	Kế hoạch thoái vốn		Tỷ lệ vốn NN còn lại sau khi thoái	Thời gian hoàn thành	
		Tỷ lệ vốn Nhà nước nắm giữ theo khung quy định tại Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg	Tỷ lệ thoái vốn theo đề xuất của cơ quan đại diện CSH/theo tiêu chí Đ2K3 QĐ số 22/2021/QĐ-TTg		Giai đoạn 2022-2023	Giai đoạn 2024-2025
137	Công ty cổ phần Quản lý và Sửa chữa đường bộ Vĩnh Phúc	Từ 50% trở xuống	75,48%	0,00%	x	
138	Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Vĩnh Yên	Từ 50% trở xuống	23,00%	0,00%	x	
139	Công ty cổ phần Tư vấn, kiểm định chất lượng và Xây dựng công trình Vĩnh Phúc	Từ 50% trở xuống	36,00%	0,00%		x
	UBND tỉnh Yên Bái					
140	Công ty cổ phần Xây dựng đường bộ II - Yên Bái	Từ 50% trở xuống	30,00%	0,00%	x	
141	Công ty cổ phần Xây dựng đường bộ I - Yên Bái	Từ 50% trở xuống	30,00%	0,00%	x	

Ghi chú:

(*) Thủ tướng Chính phủ quyết định tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ tại doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg

TT	Tên Cơ quan đại diện chủ sở hữu/Tên doanh nghiệp	Tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ đến năm 2025
	MỤC 2: KẾ HOẠCH GIỮ NGUYÊN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC	
	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
1	Công ty cổ phần Thuốc thú y TW VETVACO	65,00%
2	Công ty cổ phần Thuốc thú y TW NAVETCO	65,00%
	Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch	
3	Công ty cổ phần Phim Hoạt hình Việt Nam	87,00%
	Đài Truyền hình Việt Nam	
4	Công ty TNHH Truyền hình Cáp Saigontourist (SCTV)	50,00%
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	
5	Ngân hàng Công Thương Việt Nam	64,46%
	Uỷ ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp	
6	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	75,87%
7	Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam	95,40%
8	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam	51,00%
	UBND tỉnh An Giang	
9	Công ty cổ phần Điện nước An Giang	87,72%
10	Công ty cổ phần Du lịch An Giang	21,69%
11	Công ty cổ phần Tập đoàn Lộc Trời	24,15%
	UBND tỉnh Bà Rịa Vũng tàu	
12	Công ty cổ phần Cấp nước Bà Rịa-Vũng Tàu	36,25%
13	Công ty cổ phần Dịch vụ Đô thị Bà Rịa	76,92%
14	Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất	51,08%
15	Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu	79,17%
	UBND tỉnh Bắc Giang	
16	Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang	51,80%
	UBND tỉnh Bắc Kạn	
17	Công ty cổ phần cấp thoát nước Bắc Kạn	46,00%
	UBND tỉnh Bạc Liêu	
18	Công ty cổ phần cấp nước Bạc Liêu	98,65%
	UBND tỉnh Bắc Ninh	
19	Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh	49,06%
20	Công ty cổ phần thoát nước và xử lý nước thải Bắc Ninh	22,07%
	UBND tỉnh Bến Tre	
21	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre	64,80%
22	Công ty cổ phần Cấp nước sinh hoạt Châu Thành	33,76%

TT	Tên Cơ quan đại diện chủ sở hữu/Tên doanh nghiệp	Tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ đến năm 2025
23	Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến tre	60,08%
24	Công ty cổ phần Đăng kiểm và Dịch vụ giao thông	53,57%
	UBND tỉnh Bình Định	
25	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định	51,00%
26	Công ty cổ phần Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn	51,00%
27	Công ty cổ phần Môi trường Bình Định	51,00%
	UBND tỉnh Bình Dương	
28	Tổng công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ – Công ty cổ phần	36,60%
29	Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – Công ty cổ phần	95,44%
	UBND tỉnh Bình Thuận	
30	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận	36,00%
	UBND tỉnh Cà Mau	
31	Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau	71,49%
	UBND Thành phố Cần Thơ	
32	Công ty cổ phần Cấp Thoát nước Cần Thơ	51,00%
33	Công ty cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2	49,00%
34	Công ty cổ phần Đô thị Cần Thơ	51,00%
	UBND Thành phố Đà Nẵng	
35	Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng	51,00%
36	Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng Đà Nẵng	30,00%
37	Công ty cổ phần Cầu đường Đà Nẵng	30%%
	UBND tỉnh Điện Biên	
38	Công ty cổ phần Cấp nước Điện Biên	99,42%
	UBND tỉnh Đồng Nai	
39	Tổng Công ty cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	99,54%
	UBND tỉnh Đồng Tháp	
40	Công ty cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp	85,60%
41	Công ty cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp	51,00%
	UBND tỉnh Hà Giang	
42	Công ty cổ phần cấp thoát nước	36,08%
43	Công ty cổ phần Đường bộ II	65,98%
	UBND Thành phố Hà Nội	
44	Công ty cổ phần Cấp nước Sơn Tây	55,60%
45	Công ty cổ phần Đồng Xuân	71,00%

TT	Tên Cơ quan đại diện chủ sở hữu/Tên doanh nghiệp	Tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ đến năm 2025
46	Công ty cổ phần Giống gia súc Hà Nội	60,30%
47	Công ty cổ phần Công trình giao thông Hà Nội	73,85%
	UBND tỉnh Hà Tĩnh	
48	Công ty cổ phần Cấp nước Hà Tĩnh	95,77%
49	Công ty cổ phần Đăng kiểm Hà Tĩnh	25,00%
	UBND Thành phố Hải Phòng	
50	Công ty cổ phần Cấp nước thị trấn An Lão	8,70%
51	Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng	80,58%
52	Công ty cổ phần Điện chiếu sáng Hải Phòng	51,00%
53	Công ty cổ phần Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng	57,52%
54	Công ty cổ phần Công trình công cộng và xây dựng Hải Phòng	51,08%
55	Công ty cổ phần Công viên - Cây xanh Hải Phòng	55,08%
56	Công ty cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ	25,10%
57	Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nomura Hải Phòng	30,00%
58	Công ty cổ phần Cáp điện và hệ thống LS Vina	15,16%
59	Công ty Công ty Xi măng Chinfon	15,56%
60	Công ty Liên doanh Khu công nghiệp Đồ Sơn	38,00%
	UBND tỉnh Hậu Giang	
61	Công ty cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang	99,89%
62	Công ty cổ phần Cấp thoát nước - Công trình đô thị Hậu Giang	46,33%
63	Công ty cổ phần Bến xe tàu Hậu Giang	99,78%
	UBND tỉnh Hoà Bình	
64	Công ty cổ phần Nước sạch Hòa Bình	40,08%
	UBND tỉnh Hưng Yên	
65	Công ty cổ phần Nước sạch Hưng Yên	35,80%
66	Công ty cổ phần Môi trường và công trình đô thị Hưng Yên	95,74%
67	Công ty cổ phần Đường bộ Hưng Yên	18,00%
68	Công ty cổ phần Quản lý đường thuỷ Hưng Yên	10,08%
	UBND tỉnh Khánh Hoà	
69	Công ty cổ phần Đô thị Cam Ranh	36,08%
70	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hoà	51,00%
	UBND Kon Tum	
71	Công ty cổ phần cấp nước Kon Tum	35,00%
72	Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Kon Tum	30,00%

TT	Tên Cơ quan đại diện chủ sở hữu/Tên doanh nghiệp	Tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ đến năm 2025
	UBND Lai Châu	
73	Công ty cổ phần nước sạch Lai Châu	57,85%
	UBND tỉnh Lâm Đồng	
74	Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc	75,95%
	UBND tỉnh Lạng Sơn	
75	Công ty cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn	36,00%
76	Công ty cổ phần Quản lý và xây dựng giao thông Lạng Sơn	36,00%
	UBND tỉnh Lào Cai	
77	Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai	92,09%
78	Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Lào Cai	51,00%
	UBND tỉnh Long An	
79	Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Môi trường Kiến Tường	88,22%
80	Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Dịch vụ đô thị Bến Lức	87,15%
81	Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Dịch vụ đô thị Vĩnh Hưng	90,82%
82	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Long An	60,60%
83	Công ty cổ phần Đô thị Tân An	60,80%
84	Công ty cổ phần Công trình đô thị Cần Đước	60,80%
	UBND tỉnh Nam Định	
85	Công ty cổ phần Nước sạch và vệ sinh nông thôn tỉnh Nam Định	99,47%
86	Công ty cổ phần cấp nước Nam Định	49,50%
	UBND tỉnh Nghệ An	
87	Công ty cổ phần Cấp nước Diễn Châu	95,85%
88	Công ty cổ phần Cấp nước Quỳnh Lưu	97,66%
89	Công ty cổ phần Cấp nước Thái Hoà	99,01%
90	Công ty cổ phần Cấp nước Yên Thành	98,51%
91	Công ty cổ phần Quản lý và phát triển hạ tầng đô thị Vinh	67,12%
92	Công ty cổ phần Cấp nước Nghệ An	38,06%
	UBND tỉnh Ninh Bình	
93	Công ty cổ phần nước sạch và vệ sinh nông thôn tỉnh Ninh Bình	92,88%
94	Công ty cổ phần Môi trường và dịch vụ đô thị thành phố Ninh Bình	66,08%
95	Công ty cổ phần Môi trường đô thị Tam Điệp	66,00%
	UBND tỉnh Ninh Thuận	
96	Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận	52,06%
	UBND tỉnh Phú Thọ	

TT	Tên Cơ quan đại diện chủ sở hữu/Tên doanh nghiệp	Tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ đến năm 2025
97	Công ty cổ phần Cấp nước Phú Thọ	24,00%
	UBND tỉnh Phú Yên	
98	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên	38,39%
	UBND tỉnh Quảng Bình	
99	Công ty cổ phần Cấp nước Quảng Bình	52,16%
100	Công ty cổ phần Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa Quảng Bình	75,00%
	UBND tỉnh Quảng Nam	
101	Công ty cổ phần Môi trường đô thị Quảng Nam	61,51%
102	Công ty cổ phần Bến xe Quảng Nam	96,54%
103	Công ty cổ phần Lương thực & Dịch vụ Quảng Nam	47,64%
104	Công ty cổ phần Đăng kiểm Quảng Nam	30,40%
	UBND tỉnh Quảng Ngãi	
105	Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi	23,36%
	UBND tỉnh Quảng Ninh	
106	Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh	96,16%
	UBND tỉnh Quảng Trị	
107	Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị	51,00%
108	Công ty cổ phần Môi trường và công trình đô thị Đông Hà	55,37%
	UBND tỉnh Sóc Trăng	
109	Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng	49,00%
110	Công ty cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng	38,89%
	UBND tỉnh Sơn La	
111	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	20,00%
	UBND tỉnh Tây Ninh	
112	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh	35,00%
113	Công ty cổ phần Đăng kiểm Tây Ninh	22,74%
	UBND tỉnh Thái Bình	
114	Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Thái Bình	70,00%
	UBND tỉnh Thái Nguyên	
115	Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên	42,27%
	UBND tỉnh Thanh Hoá	
116	Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hoá	63,62%
	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	
117	Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế	70,01%
118	Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Huế	51,00%

TT	Tên Cơ quan đại diện chủ sở hữu/Tên doanh nghiệp	Tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ đến năm 2025
	UBND tỉnh Tiền Giang	
119	Công ty cổ phần Công trình đô thị Gò Công	**51,00%**
	UBND tỉnh Trà Vinh	
120	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh	**82,34%**
121	Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh	**64,00%**
	UBND tỉnh Tuyên Quang	
122	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Tuyên Quang	**68,66%**
	UBND tỉnh Vĩnh Long	
123	Công ty cổ phần Cấp nước Vĩnh Long	**51,00%**
	UBND tỉnh Vĩnh Phúc	
124	Công ty cổ phần Cấp thoát nước số 1 Vĩnh Phúc	**96,75%**
125	Công ty cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc	**96,40%**
	UBND tỉnh Yên Bái	
126	Công ty cổ phần Cấp nước và Xây dựng Yên Bái	**97,30%**

Phụ lục IV

DANH MỤC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC, DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN SẮP XẾP THEO PHƯƠNG ÁN RIÊNG GIAI ĐOẠN 2022 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cơ quan đại diện chủ sở hữu/Tên doanh nghiệp	Tỷ lệ vốn Nhà nước đang nắm giữ tại doanh nghiệp
	Bộ Tài chính	
1	Tập đoàn Bảo Việt - CTCP	65,00%
	Bộ Thông tin và Truyền thông	
2	Tổng công ty Truyền thông đa phương tiện	100%
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
3	Công ty cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam	10,00%
4	Công ty TNHH một thành viên Xuất nhập khẩu Sách báo	100%
	Đài Tiếng nói Việt Nam	
5	Tổng công ty Phát triển phát thanh truyền hình (Emico)	25,00%
	Đài Truyền hình Việt Nam	
6	Công ty TNHH Truyền hình số vệ tinh Việt Nam (VSTV)	50,26%
7	Công ty cổ phần Đầu tư Tháp Truyền hình Việt Nam (*)	34,00%
	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	
8	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (**)	80,90%
9	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (**)	74,80%
	Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp	
10	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	100%
11	Tổng công ty Cà phê Việt Nam	100%
12	Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam	100%
13	Tổng công ty Hàng không Việt Nam	86,19%
14	Tổng công ty Lương thực miền Nam	51,43%
	UBND tỉnh Bắc Ninh	
15	Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị	64,61%
	UBND Thành phố Đà Nẵng	
16	Công ty cổ phần Cấp nước Đà Nẵng	60,08%
	UBND Thành phố Hà Nội	

TT	Tên cơ quan đại diện chủ sở hữu/Tên doanh nghiệp	Tỷ lệ vốn Nhà nước đang nắm giữ tại doanh nghiệp
17	Tổng công ty Đầu tư Phát triển hạ tầng đô thị (UDIC)	100%
18	Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội	100%
19	Công ty cổ phần HANEL	97,93%
20	Công ty cổ phần Kim khí Thăng Long	66,04%
	UBND tỉnh Thái Bình	
21	Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp tàu thủy Diêm Điền	100%

Ghi chú:

(*) Thực hiện theo Thông báo số 930/VPCP-ĐMDN ngày 12/2/2022 của Văn phòng Chính phủ

(**) Thực hiện theo Đề án "Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025" nêu tại Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 08/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ và "Chiến lược phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến 2025, định hướng đến 2030" nêu tại Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 08/08/2018 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó nêu rõ kế hoạch sắp xếp và tỷ lệ vốn dự kiến Nhà nước nắm giữ tại 02 ngân hàng./.